

Án số: **22 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/ 5 /2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với tHnh viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trọng Tú
2. Ông Phạm Đức Long
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thu Hoài– Thư ký Toà án nhân dân tHnh phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN:*Bà Nguyễn Thị Thu Nhung- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân THnh phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 920/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp Ly hôn “. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ngô Thúy H, sinh năm 1983;

(Có mặt tại phiên toà)

* Bị đơn: Anh Ngô Văn D, sinh năm 1975;

(Vắng mặt tại phiên tòa

Đều trú tại: Tổ 24, phường T, thành phố T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà Nguyên đơn - chị Ngô Thúy H trình bày: Chị kết hôn anh Ngô Văn D năm 2003 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương có đăng ký kết

hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do chị xin ly hôn anh D do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm, đến năm 2006 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh D không tu chí làm ăn, ham mê cờ bạc, nợ nần nhiều người, không quan tâm đến vợ con, chị có nhắc nhở khuyên can nhưng anh D không thay đổi mà còn cãi vã nhau, xúc phạm chị, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, cả hai không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Quan điểm của chị về hôn nhân: Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Ngô Thị Bình Phương, sinh ngày 30/8/2003 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.
Bị đơn anh Ngô Văn D trình bày:

Anh công nhận anh kết hôn chị Ngô Thúy H năm 2003 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do chị H nêu để xin ly hôn anh là đúng, do bất đồng quan điểm sống, do anh chơi lô đề cờ bạc tiêu tán tài sản, không giúp gì cho vợ con nên vợ chồng luôn cãi nhau, cả hai không quan tâm gì đến nhau và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị H khởi kiện ly hôn anh lúc đầu anh nhất trí, sau nghĩ lại anh không nhất trí ly hôn vì ly hôn con cái sẽ khổ. Nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003 đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi anh và chị H có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con;

+ Về Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh không nhất trí ly hôn nên không nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Tòa án đã tiến Hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân, người trực tiếp nuôi con vì vậy phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp Hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chị Ngô Thúy H và anh Ngô Văn D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh D chơi cờ bạc, tiêu tán tài sản, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cả hai sống ly thân từ năm 2018 đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003 chị H đang trực tiếp nuôi con và nguyện vọng của con muốn được ở với mẹ nên giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết ở vụ án này

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Anh D được Tòa án triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa công khai nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt anh D.

*** Về nội dung:**

- Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thúy H và anh Ngô Văn D kết hôn năm 2003 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị H xin ly hôn anh D theo chị H khai là do bất đồng quan điểm sống, anh D không quan tâm đến gia đình vợ con và ham mê cờ bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau. Ch H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống. Anh D cũng xác định có mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, do anh chơi cờ bạc tiêu tán tài sản, không giúp được gì cho vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, hai bên sống ly thân từ giữa năm 2018 đến nay, chị H xin được ly hôn anh D nhưng anh không nhất trí ly hôn chị H, nếu tiếp tục D trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, vì vậy nên chấp nhận đơn ly hôn của chị Ngô Thúy H, cho chị Ngô Thúy H được ly hôn anh Ngô Văn D là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003 chị H và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con, hiện nay cháu Ph đang ở cùng chị H do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Bản thân cháu Ngô Thị Bình Ph viết bản tự khai trình bày về nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu Phương muốn được ở với mẹ là chị Ngô Thúy H.

Xét nguyện vọng về việc nuôi con của chị H và anh D đều có quyền ngang nhau, nhưng xét nguyện vọng của con và hiện tại cháu Ph đang ở độ tuổi dậy thì

nên rất cần có mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì vậy HĐXX giao con chung Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003 cho chị Ngô Thúy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không giải quyết phần tài sản chung, nợ chung ở vụ án ly hôn này.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ – HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị H phải nộp 300.000đ án phí LHST vào Ngân sách NH nước; Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tHnh phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, cho chị Ngô Thúy H được ly hôn anh Ngô Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Thị Bình Ph, sinh ngày 30/8/2003 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có thay đổi khác. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này .

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách NH nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang, theo biên lai thu số **0007120 ngày 17/12/ 2018** của Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D vắng mặt kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(TT Bằng Lũng, Chợ Đồn,
Bắc.Kạn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Mai Thị Hồng Thái